

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM ĐƠI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 163/2024/DS-ST
Ngày 21-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Trường

Bà Phạm Thị Hà

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơ, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đàm Đơ, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơ, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 657/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N1.

Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Thanh G, sinh năm 1978, chức vụ: Phó phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện Đ (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường D, khóm A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Bé T, sinh năm 1967 (vắng mặt).

2. Bà Mai Thị B (vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Tiến T1, sinh năm 2004 (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Hữu L (vắng mặt).

5. Bà Trần Hồng T2, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

6. Bà Nguyễn Thị M. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

7. Ông Nguyễn Quang T3, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số H, đường L, khóm H, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/4/2018, Ngân hàng N1 Chi nhánh huyện Đ, Cà Mau (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Minh N ký kết Hợp đồng tín dụng số 7506-LAV-201801540. Phương thức cho vay từng lần. Số tiền vay là 200.000.000 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay 10%/năm, lãi suất vay quá hạn 15%/năm. Ngày 12/6/2018, Ngân hàng và ông N tiếp tục ký kết Hợp đồng tín dụng số 7506-LAV-20180. Phương thức cho vay từng lần. Số tiền vay là 80.000.000 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay 10%/năm, lãi suất vay quá hạn 15%/năm.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ông Nguyễn Minh N đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TD20180081TTL/HĐTC gồm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BK 229599 các thửa 467, 498, tờ bản đồ số 02, tổng diện tích 35.361m² do ông N đứng tên Giấy chứng nhận.

Tính đến ngày 21/6/2024 tổng số tiền ông Nguyễn Minh N còn nợ Ngân hàng là: 428.594.651 đồng, trong đó, dư nợ là 273.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính là: 155.594.651 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp yêu cầu nhưng ông N vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Minh N có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 21/6/2024 là 428.594.651 đồng, trong đó, dư nợ là 273.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính là 155.594.651 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến ngày tất toán. Buộc ông Nguyễn Minh N phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến ngày thực tế ông Nguyễn Minh N trả hết nợ gốc cho Ngân hàng. Trường hợp ông N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ cho A chi nhánh huyện Đ, Cà Mau thì ông Nguyễn Minh N có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ hoặc bổ sung tài sản để trả nợ cho A chi nhánh huyện Đ, Cà Mau. A chi nhánh huyện Đ, Cà Mau có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Minh N để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản hòa giải, bị đơn ông Nguyễn Minh N trình bày:

Ông thống nhất có vay Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện Đ, Cà Mau số tiền 280.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 7506-LAV-201801540 ngày

24/4/2018 và 7506-LAV-20180 ngày 12/6/2018, có làm Hợp đồng thế chấp số TD20180081TTL/HĐTC gồm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BK 229599 thửa 467 + 498, tờ bản đồ số 02, tổng diện tích 35.361m² để đảm bảo nợ vay Ngân hàng. Ông thống nhất yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông trả số tiền tạm tính đến hết ngày 15/7/2023 là 390.656.998 đồng. Trong đó: dư nợ 273.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính là 117.656.998 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến ngày tắt toán.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức Tín dụng, Án lệ số 08/20216/AL; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1. Buộc ông Nguyễn Minh N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 428.594.651 đồng và lãi suất tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi ông N thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp ông N không trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản của ông N để bảo đảm thu hồi nợ. Án phí dân sự, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ông N phải chịu theo quy định. Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã dự nợ là 5.424.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung khởi kiện:

[3.1] Xét yêu cầu trả số tiền nợ 512.605.663 đồng của nguyên đơn thấy rằng:

Hợp đồng tín dụng số 7506-LAV-201801540 ngày 24/4/2018 và số 7506-LAV-20180 ngày 12/6/2018 được xác lập giữa ông Nguyễn Minh N với Ngân hàng N1 Chi nhánh huyện Đ, Cà Mau trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, các đương sự không có tranh chấp về các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng nên các đương sự cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng.

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng thể hiện ông N vay tổng số tiền 280.000.000 đồng, thời hạn vay của từng hợp đồng là 36 tháng, lãi suất vay 10%/năm, lãi suất vay quá hạn 15%/năm. Trong quá trình vay vốn, ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên cần buộc ông N phải có nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng là phù hợp với quy định pháp luật.

[3.2] Về yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày tuyên án cho đến khi trả hết nợ, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Ngân hàng phù hợp theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

[3.3] Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ của Ngân hàng, thấy rằng: Để đảm bảo khoản vay, ông N có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BK 229599 tổng diện tích 35.361m², thửa 467, 498, tờ bản đồ số 02 tọa lạc ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau do ông N đứng tên Giấy chứng nhận theo hợp đồng thế chấp số TD20180081TTL/HĐTC ngày 23/4/2018.

Việc các bên xác lập hợp đồng thế chấp trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định nên được công nhận. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp là phù hợp và đúng quy định.

[4] Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Minh N có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến hết ngày 21/6/2024 là 428.594.651 đồng, trong đó, dư nợ là 273.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính là 155.594.651 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến ngày tất toán.

[5] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, yêu cầu gì.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, đã dự nộp được nhận lại toàn bộ, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 200.000 đồng nguyên đơn đã dự nộp nên buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn chi phí này.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 158, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 292, 293, 299, 317, 318, 323, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Minh N thanh toán khoản vay theo các hợp đồng tín dụng số 7506-LAV-201801540 ngày 24/4/2018 và số 7506-LAV-20180 ngày 12/6/2018. Buộc ông Nguyễn Minh N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/6/2024 là 428.594.651 đồng (bốn trăm hai mươi tám triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi một) đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến ngày tất toán nợ vay.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (22/6/2024), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Minh N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng đã ký kết thì Ngân hàng N1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BK 229599 tổng diện tích 35.361m², thửa 467, 498, tờ bản đồ số 02 tọa lạc ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Nguyễn Minh N ngày 14/12/2012.

- Về án phí và chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.143.786 (hai mươi một triệu một trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm tám mươi sáu) đồng.

Ngân hàng N1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 5.424.000 (năm triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0000620 ngày 18 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Buộc ông Nguyễn Minh N trả lại cho Ngân hàng N1 chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày Ngân hàng N1 có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nếu ông Nguyễn Minh N chậm thi hành đối với các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông Nguyễn Minh N còn phải chịu thêm khoản

lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hồng Ý